

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN

Số: 3031/1997/QĐ-BNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế xác định ranh giới và cấm mốc các loại rừng

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

- Căn cứ Nghị định 73/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Chỉ thị 286/TTg ngày 02 tháng 05 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển rừng;
- Theo đề nghị của ông: Cục trưởng Cục Kiểm lâm, Cục trưởng Cục Phát triển Lâm nghiệp và ông Viện trưởng Viện Điều tra - Quy hoạch,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản "Quy chế xác định ranh giới và cấm mốc các loại rừng".

Điều 2.- Bản quy chế này được áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ban hành quyết định.

Điều 3.- Các Ông Chánh văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Kiểm lâm, Cục trưởng Cục Phát triển Lâm nghiệp, Viện trưởng Viện điều tra Quy hoạch rừng, Thủ trưởng các Cục, Vụ, Viện có liên quan; Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc hoặc Trưởng ban quản lý các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; Giám đốc các doanh nghiệp quản lý rừng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ

XÁC ĐỊNH RANH GIỚI VÀ CẤM MỐC CÁC LOẠI RỪNG

(Ban hành theo Quyết định số 3013/1997/QĐ-BNN&PTNN ngày 20/11/1997

của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Thực hiện điểm 1 Chỉ thị số 286/TTg ngày 2 tháng 5 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển rừng. Để tăng cường cơ sở pháp lý cho việc quản lý rừng của các cơ quan quản lý Nhà nước và chính quyền các cấp, xác định phạm vi trách nhiệm của chủ rừng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các biện pháp quản lý - bảo vệ các loại rừng trong phạm vi cả nước;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành "Quy chế xác định ranh giới và cấm mốc các loại rừng"

Bản quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản, các giải pháp kỹ thuật chủ yếu cho việc xác định ranh giới và cấm mốc các loại rừng.

CHƯƠNG 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc xác định ranh giới và cấm mốc đối với các loại rừng và đất rừng sau đây:

1. Rừng đặc dụng: Toàn bộ diện tích rừng và đất chưa có rừng của các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên, các khu rừng văn hoá lịch sử và cảnh quan.
2. Rừng phòng hộ: Bao gồm toàn bộ diện tích rừng và đất chưa có thuộc phân khu phòng hộ rất xung yếu và phân khu phòng hộ xung yếu của rừng phòng hộ tập trung.
3. Rừng sản xuất: Chỉ xác định ranh giới và cấm mốc cho các khu rừng tự nhiên hiện còn và diện tích thảm thực vật kề cận đang khoanh nuôi phục hồi thành rừng tự nhiên.
4. Các khu rừng tự nhiên hiện còn trong vùng đệm của rừng đặc dụng, trong phân khu phòng hộ ít xung yếu, trong khu rừng chưa phân loại và chưa giao cho tổ chức, cá nhân quản lý sử dụng.

Để thống nhất khi áp dụng, trong quy chế này cụm từ "Khu rừng tự nhiên" chỉ tất cả các khu rừng nêu trong khoản 3 và khoản 4 của điều này và chỉ xác định ranh giới và cắm mốc cho những khu rừng có diện tích từ 10 ha trở lên, các khu rừng có diện tích dưới 10 ha nếu cần thiết chỉ cắm bảng.

Điều 2.- Về ranh giới và cắm mốc.

1. Ranh giới và mốc giới các loại rừng được quy định trong quy chế này là cơ sở xác định lâm phận các loại rừng đồng thời cũng là cơ sở pháp lý để ngăn ngừa, xử lý các trường hợp lấn chiếm rừng, tranh chấp quyền sử dụng đất, sử dụng rừng.
2. Tất cả các khu rừng đã nêu trong Điều 1 của quy chế này đều phải được xác định ranh giới trên bản đồ và cắm mốc hoặc bảng trên thực địa đảm bảo nguyên tắc thống nhất, rõ ràng, dễ nhận biết, phù hợp yêu cầu quản lý Nhà nước đối với từng loại rừng.

Điều 3.- Căn cứ xác định ranh giới các loại rừng

Để xác định ranh giới các loại rừng và cắm mốc, bảng trên thực địa, cần phải có 1 trong 4 văn bản (kèm theo bản đồ) sau đây:

1. Quyết định xác lập khu rừng của cấp có thẩm quyền.
2. Luận chứng kinh tế kỹ thuật (dự án khả thi) hoặc phương án quản lý sử dụng rừng, đất rừng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt còn hiệu lực.
3. Quy hoạch xác định loại rừng đã được Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên từng địa bàn cụ thể.
4. Quyết định phê duyệt các dự án về sử dụng rừng và đất lâm nghiệp của cấp có thẩm quyền.

CHƯƠNG 2

NỘI DUNG XÁC ĐỊNH RANH GIỚI VÀ CẮM MỐC

CÁC LOẠI RỪNG

Điều 4.- Đơn vị để xác định ranh giới và cắm mốc

1. Các vườn quốc gia;
2. Các khu bảo tồn thiên nhiên;
3. Khu rừng văn hoá lịch sử;
4. Khu rừng cảnh quan;

6. Các khu rừng tự nhiên hiện còn và thảm thực vật kề cận đang khoanh nuôi phục hồi thành rừng tự nhiên trong rừng sản xuất;
7. Các khu rừng tự nhiên hiện còn trong vùng đệm của rừng đặc dụng;
8. Các khu rừng tự nhiên hiện còn trong phân khu phòng hộ ít sung yếu của rừng phòng hộ tập trung.
9. Các khu rừng tự nhiên chưa được phân loại và chưa giao cho tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng;

Chỉ cấm mốc các khu rừng nêu trong khoản 6, 7, 8, 9 trên đây có diện tích như quy định tại Điều 1.

Chỉ cấm mốc các khu rừng nêu trong khoản 6, 7, 8, 9 trên đây có diện tích như quy định tại Điều 1.

Điều 5.- Xác định ranh giới.

1. Đối với rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

Ở những nơi đã có các văn bản pháp lý như quy định trong Điều 3 thì căn cứ vào bản đồ tiến hành xác định ranh giới trên thực địa. Nếu ranh giới trên bản đồ phù hợp với ranh giới hiện đang quản lý trên thực địa thì tiến hành cắm mốc. Nếu không phù hợp thì tiến hành bổ sung hoặc chỉnh lý sau đó mới tiến hành cắm mốc.

2. Đối với các khu rừng tự nhiên

a. Nơi đã có các văn bản pháp lý thì căn cứ vào bản đồ quy hoạch kết hợp với bản đồ kiểm kê rừng nếu có để tiến hành xác định ranh giới và cắm mốc trên thực địa.

b. Nơi chưa có các văn bản pháp lý hoặc đã có nhưng không còn phù hợp thì Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, xã thực hiện việc xác định ranh giới và cắm mốc, sau đó chuyển giao kết quả và hồ sơ khu rừng cho Ủy ban nhân dân nơi có rừng, cơ quan kiểm lâm và cơ quan nông nghiệp và PTNT để quản lý.

Điều 6.- Bổ sung và chỉnh lý

Việc bổ sung và chỉnh lý được thực hiện khi có sự khác nhau về ranh giới trên bản đồ và ranh giới thực địa, cụ thể như sau:

1. Đối với sự khác nhau có liên quan đến nội dung văn bản pháp lý; như chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thay đổi địa giới hành chính, hoặc ranh giới chưa được xác định rõ thì phải giải quyết xong rồi mới được cắm mốc.

2. Đối với sự khác nhau thuộc lĩnh vực kỹ thuật sẽ được xử lý như sau:

a. Bản đồ đúng nhưng ranh giới thực địa chưa rõ thì chỉnh lý lại ranh giới thực địa cho phù hợp với bản đồ.

b. Bản đồ chất lượng kém thì xác định mốc giới tại thực địa sau đó chỉnh lý lại bản đồ.

c. Cả bản đồ và thực địa đều sai so với văn bản pháp lý thì dựa vào ranh giới được mô tả trong các văn bản pháp lý chỉnh sửa lại ranh giới trên thực địa, sau đó đo vẽ lại thực địa và bổ sung vào bản đồ.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh khi có sự khác nhau về ranh giới xảy ra trong các đơn vị thuộc quyền quản lý của mình. Đối với các trường hợp khác nhau về ranh giới xảy ra ở các đơn vị do Trung ương quản lý thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp giải quyết, hoặc trình Chính phủ quyết định.

Điều 7.- Phân loại và quy cách mốc.

Do yêu cầu sử dụng lâu dài nên mốc, bảng phải làm bằng bê tông cốt thép mác 200 đảm bảo bền vững, chắc chắn.

1. Mốc cấp 1: Có tiết diện hình chữ nhật, kích thước mốc: 100 x 30 x 12 cm có đế (chi tiết xem phụ lục) dùng để cắm mốc giới các khu rừng đặc dụng; mốc giới các khu rừng phòng hộ tập trung.

2. Bảng: Bảng có kích thước theo phụ lục của quy chế này, bảng dùng để cắm ở cửa rừng của các khu rừng đặc dụng, khu rừng phòng hộ, nơi có đường giao thông qua lại hoặc nơi gần các khu dân cư, nơi rừng đang bị chặt phá lấn chiếm mạnh.

3. Mốc cấp 2: Có tiết diện hình vuông, kích thước mốc: 100 x 15 x 15 cm, có đế (chi tiết xem phụ lục) dùng cắm mốc giới các khu rừng tự nhiên còn lại.

Điều 8. Vị trí cắm mốc

1. Mốc được chôn cố định xuống đất trên đường ranh giới đảm bảo bền vững chắc chắn, phần nổi trên mặt đất cao 50 cm, mặt ghi số hiệu mốc và tên khu rừng quay ra phía ngoài.